

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025
quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**

(Tiếp theo Công báo số 329 + 330)

Mục 3**XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ****Điều 37. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị**

Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được xử lý theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 21 Nghị định này.

Điều 38. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Việc thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 22 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thu hồi được xử lý theo các hình thức quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản.

Thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, việc xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

Điều 39. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được điều chuyển trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều

chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp có tài sản điều chuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan đại diện chủ sở hữu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển.

Điều 40. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,

tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Doanh nghiệp có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị hủy hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

e) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan

được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định này.

Điều 41. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thanh lý trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ công trình, hạng mục công trình đường sắt.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình, hạng mục công trình đường sắt và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6,7 và 8 Điều này.

5. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được xử lý theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 5 Điều 25 Nghị định này.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị để sử dụng vào công tác quản lý, bảo trì: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí quản lý, bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác quản lý, bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí quản lý, bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí quản lý, bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển giữa địa phương và trung ương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 25 Nghị định này.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị định này.

9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mới hoặc để bảo đảm giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà trong dự án đó có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử

lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 42. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

Thành phần hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 26 Nghị định này.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để khôi phục hoạt động đường sắt an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 43. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định làm chủ tài khoản.

2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm các nội dung chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

3. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

4. Căn cứ nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, mức chi quy định tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán).

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời hạn

gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm gửi hồ sơ, văn bản và tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị thanh toán chi phí xử lý tài sản (trong đó nêu rõ tổng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo dự toán chi được duyệt và bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

7. Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản:

a) Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

b) Hoặc đã quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị nộp tiền vào tài khoản tạm giữ mà chủ tài khoản tạm giữ không nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

8. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.

9. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi chủ tài khoản tạm giữ cấp tiền thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của doanh nghiệp.

Mục 4

SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 44. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Khi có nhu cầu sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên doanh

ngành quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho nhà đầu tư; theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

5. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

6. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương V
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 45. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;

Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt hoặc thông tin về tài sản sau khi đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển) hoặc ngày có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

- a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.
- b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu đường sắt hằng năm thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập báo cáo, gửi Bộ Giao thông vận tải; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập báo cáo, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp.
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.
- c) Gửi qua Fax.
- d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.
- đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.
- e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

Điều 46. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan có liên quan thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 47. Trách nhiệm thi hành**

1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

b) Giao cơ quan quản lý đường sắt quốc gia chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải có ý kiến đối với việc giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt

giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước khi Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc Bộ Giao thông vận tải đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

c) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt quốc gia thông suốt, an toàn.

d) Chỉ đạo, rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

đ) Chỉ đạo doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia định kỳ 03 năm, kể từ năm 2025 tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện tỷ lệ (%) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này báo cáo Bộ Giao thông vận tải; trường hợp cần điều chỉnh tỷ lệ (%), Bộ Giao thông vận tải báo cáo Chính phủ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

e) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý.

g) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

h) Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

b) Quy định việc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

d) Hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tích hợp Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về đường sắt.

b) Giao cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan có ý kiến đối với việc giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định Nghị định này.

c) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu đường sắt đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt đô thị thông suốt, an toàn.

d) Chỉ đạo, rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

đ) Chỉ đạo doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị định kỳ 03 năm, kể từ năm bắt đầu được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện theo tỷ lệ này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trên cơ sở kết quả thực hiện, trường hợp cần điều chỉnh tỷ lệ (%), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp để quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

e) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý.

g) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

h) Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

4. Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

5. Các cơ quan, doanh nghiệp và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải

thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; các cơ quan khác lưu bản sao.

Điều 48. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê, phân loại và giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ các dự án thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và đưa vào sử dụng trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thì không thực hiện bố trí kinh phí quản lý, bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng đó. Đối với vật liệu, vật tư thu hồi còn lại được xử lý theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm rà soát, tổng hợp toàn bộ khối lượng, giá trị vật tư thu hồi đã đưa vào sử dụng trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và vật tư thu hồi còn lại từ các dự án đầu tư đã thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành để xử lý theo quy định tại khoản này và Điều 25 Nghị định này.

3. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đến hết thời hạn của hợp đồng.

4. Đối với số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả số tiền đã nộp vào tài khoản tạm giữ và số tiền chưa nộp vào tài khoản tạm giữ) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa xử lý thì được quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo hình thức tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật tương ứng; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này.

Trong thời gian chưa ban hành quy định về tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng thì được áp dụng theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này nhưng tối đa không quá 24 tháng, kể từ ngày phát sinh số thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.

7. Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi được giao, căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản và các hồ sơ có liên quan, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý (Bên giao) để xác định nguyên giá, giá trị còn lại theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

8. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện để tổ chức xử lý tài sản (trong đó có quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt) đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt
Mẫu số 01A	Biên bản tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt
Mẫu số 01B	Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đề nghị xử lý
Mẫu số 02A	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt <i>(Phương thức: Doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản)</i>
Mẫu số 02B	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt <i>(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)</i>
Mẫu số 02C	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt <i>(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)</i>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày.../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.../.../... của..... về việc.....;

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại....., việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện Bên giao:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

2. Đại diện Bên nhận:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

3. Đại diện Cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

Bên giao đã tiến hành bàn giao cho Bên nhận các tài sản và hồ sơ tài sản như sau:

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận¹:

¹ Trường hợp bàn giao tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để quản lý, sử dụng thì danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận (vật liệu, vật tư thu hồi) theo quy định tại khoản 7 Điều 25, khoản 7 Điều 41 Nghị định số.../2025/NĐ-CP.

STT	Tên tài sản, tên tuyến (Chi tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng									

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án

3. Các hồ sơ liên quan đến việc tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư:.....

.....

4. Trách nhiệm của các bên¹:

a) Trách nhiệm của Bên tạm bàn giao tài sản:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận (chủ đầu tư dự án):.....

5. Ý kiến của các bên tham gia tạm bàn giao tài sản:.....

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN TẠM BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Việc xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án, sau khi dự án hoàn thành và nội dung liên quan khác (nếu có) theo quy định tại Điều 14, Điều 31 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày.../02/2025 của Chính phủ.

Mẫu số 01B

BỘ GTVT/UBND TỈNH THÀNH PHỐ...
TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ
TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐƯỜNG SẮT ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ¹, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ²**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tên tài sản, tên tuyến (Chi tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Chiều dài/Diện tích/Khối lượng,..)	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Xử lý tài sản theo quy định các Điều (từ Điều 21 - Điều 26, từ Điều 37 - Điều 43) Nghị định số.../2025/NĐ-CP; ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

² Sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại Điều 28, Điều 43 Nghị định số.../2025/NĐ-CP.

Mẫu số 02A

BỘ GTVT/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN
ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....-ĐATT

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT
(*Phương thức: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt*)¹

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Luật Đường sắt năm 2017;

- Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Cơ sở thực tiễn

- Thông tin về doanh nghiệp lập Đề án và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị được giao quản lý.

- Chức năng, nhiệm vụ/ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị.

- Thực trạng tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị tại thời điểm lập Đề án (theo Bản tổng hợp đính kèm).

¹ Áp dụng cho trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 33 Nghị định số.../2025/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, gồm: tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn khai thác tài sản (nếu có):

3. Phương thức tổ chức thực hiện khai thác tài sản: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 4 Điều 16, khoản 4 Điều 33 Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

5. Xác định giá cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều 16, khoản 5 Điều 33 Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Số tiền thu được; quản lý, sử dụng số tiền thuê được theo quy định tại khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 36 Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

7. Lý do thực hiện theo phương thức: “Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt”²

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
 DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 33 Nghị định số.../2025/NĐ-CP.

Mẫu số 02B

BỘ GTVT/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN
ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....-ĐACT

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT
(*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Luật Đường sắt năm 2017;

- Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về doanh nghiệp lập Đề án khai thác tài sản

Chức năng, nhiệm vụ/ngành nghề đăng ký kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị đang thực hiện quản lý; trong đó chi tiết về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất cho thuê quyền khai thác tài sản, gồm: Quyết định giao tài sản;

tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; phương thức đang thực hiện khai thác.

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác:

+ Kết quả thực hiện việc khai thác của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước/việc quản lý, sử dụng số tiền thu được....) (nếu có).

+ Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN (đối với tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác)

1. Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác (toàn bộ tài sản/một phần của từng tài sản), gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Lý do (sự cần thiết đề xuất phương thức cho thuê quyền khai thác).

3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Căn cứ và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

6. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

7. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hàng năm, một lần).

8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản, số tiền nộp ngân sách nhà nước.

9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

.....

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02C

BỘ GTVT
TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ
TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm.....

Số:...../.....-ĐACN

ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT
(*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Luật Đường sắt năm 2017;

- Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về doanh nghiệp lập Đề án khai thác tài sản

Chức năng, nhiệm vụ/ngành nghề đăng ký kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị đang thực hiện quản lý; trong đó chi tiết về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô

thị dự kiến đề xuất chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; phương thức đang thực hiện khai thác.

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia dự kiến đề xuất khai thác:

+ Kết quả thực hiện việc khai thác của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước/việc quản lý, sử dụng số tiền thu được....) (nếu có).

+ Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia dự kiến đề xuất khai thác)

1. Thông tin chủ yếu về tài sản dự kiến đề xuất khai thác (toàn bộ tài sản/một phần tài sản), gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày tháng 02 năm 2025.

2. Lý do (sự cần thiết đề xuất phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản).

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Căn cứ và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

6. Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá.

7. Việc thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản/điều chỉnh giá trị thanh toán.

8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: số tiền thu được, chi phí có liên quan đến chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, số tiền nộp ngân sách nhà nước.

9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)